

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 3 CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: **341/2026/HS-ST**

Ngày: 11/9/2026

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 3 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thùy Liên.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Đinh Thị Mỹ Duyên.

Ông Nguyễn Hữu Hà.

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Ngọc Đức - Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 3 - Thành phố Hồ Chí Minh.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 3 - Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Thanh Hà - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 9 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 3 - Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 398/2026/TLST-HS ngày 20 tháng 8 năm 2026 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 475/2026/QĐXXST-HS ngày 27 tháng 8 năm 2026 đối với bị cáo:

Lê Chí H1 (bị cáo khai tên thường gọi là Th1); Sinh ngày: 21/8/1991; Tại: Tỉnh Long An (nay là tỉnh Tây Ninh); Nơi thường trú và thực tế cư trú: G14/3 ấp C (cũ là ấp E), xã BL, Thành phố Hồ Chí Minh; Nghề nghiệp: Kinh doanh; Trình độ văn hóa: 12/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Lê Văn H2 và bà: Trần Thị Ngọc T; Có vợ: Không và con: Không; Tiền án: Không; Tiền sự: Không; Bị cáo tại ngoại.

(bị cáo có mặt tại phiên tòa)

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:*

1. Ông Danh Tiêu K1; Sinh năm: 1998; Thường trú: Ấp Z, xã BA, huyện KL, tỉnh Kiên Giang (nay là Ấp Z, xã KL, tỉnh An Giang); Tạm trú: 750 LLBC, ấp 10 (cũ là G14/5 ấp 33), xã BL, Thành phố Hồ Chí Minh.

(vắng mặt)

2. Bà Tô Thị Nguyệt K2; Sinh năm: 1970; Thường trú: Khu phố 3, phường 1, thành phố Tây Ninh (nay là khu phố Y, phường TN), tỉnh Tây Ninh; Chỗ ở: 76 đường J nối dài, phường TN, tỉnh Tây Ninh.

(vắng mặt)

3. Ông Trần Văn Q1; Sinh năm: 1995; Thường trú: Tổ 2, ấp HP, phường TC, tỉnh An Giang; Chỗ ở: G14/5 ấp 33, xã BL, Thành phố Hồ Chí Minh.

(vắng mặt)

4. Ông Trần Văn H3; Sinh năm: 1977; Trú tại: G13/15E ấp 10, xã BL, Thành phố Hồ Chí Minh.

(vắng mặt)

5. Ông Danh Đ1 (Mực); Sinh năm: 1999; Thường trú: Tổ 02, ấp HP, phường TC, tỉnh An Giang; Tạm trú: 750 LLBC, ấp 10 (cũ là G14/5 ấp 33), xã BL, Thành phố Hồ Chí Minh.

(vắng mặt)

6. Ông Dương Bé Đ2; Sinh năm: 1993; Thường trú: Ấp XA, phường TC, tỉnh An Giang; Chỗ ở: Khu phố ĐB, DT, ĐKPQ, tỉnh An Giang.

(vắng mặt)

7. Bà Trương Thúy Ng; Sinh năm: 1999; Thường trú: 208/11/6 đường số 9, phường AHĐ, Thành phố Hồ Chí Minh; Chỗ ở: 561/23 đường PVC, phường AHĐ, Thành phố Hồ Chí Minh.

(vắng mặt)

8. Ông Nguyễn Thanh M; Sinh năm: 2000; Thường trú: Tổ 37, khu phố CXM, xã KL, tỉnh An Giang; Chỗ ở: G14/5 ấp 33, xã BL, Thành phố Hồ Chí Minh.

(vắng mặt)

9. Ông Nguyễn Văn Th2; Sinh năm: 1990; Trú tại: G13/36 ấp 10 (cũ là ấp 33), xã BL, Thành phố Hồ Chí Minh.

(vắng mặt)

10. Bà Nguyễn Thị Thảo Q2; Sinh năm: 2003; Thường trú: 232/81 ấp PĐ, xã PP, tỉnh Vĩnh Long.

(vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào lúc 22 giờ 40 phút ngày 16/11/2025, tổ công tác 363 thuộc Công an Thành phố Hồ Chí Minh trên đường tuần tra, phát hiện Lê Chí H1 điều khiển xe gắn máy biển số XXX chở bà Nguyễn Thị Thảo Q2 chạy đến trước khu vực nhà số 837 đường Y, phường F, Thành phố Hồ Chí Minh có biểu hiện nghi vấn nên yêu cầu dừng xe kiểm tra. Qua kiểm tra, đã thu giữ của H1 01 chiếc điện thoại di động hiệu Iphone 16 Pro Max chứa nhiều thông tin liên quan đến việc cho người khác vay tiền với lãi suất cao, nên đã đưa H1 cùng vật chứng nêu trên cho Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Thành phố Hồ Chí Minh giải quyết.

Tại Cơ quan điều tra, Lê Chí H1 khai: Bắt đầu từ khoảng tháng 11/2024, H1 đã cho nhiều người vay tiền, trong đó số tiền cho vay thấp nhất là 2.000.000 đồng, số tiền cho vay nhiều nhất là 50.000.000 đồng với lãi suất từ 7,78% đến 10%/tháng (tương đương 93,36% đến 120%/năm); hình thức vay «tiền đứng» (trả tiền lãi, nợ tiền gốc). Người cần vay tiền sẽ liên lạc với H1 qua tài khoản zalo tên

«H1» hoặc tài khoản Messenger tên «Lê H1» hoặc gặp trực tiếp. Sau khi thỏa thuận số tiền, hình thức vay và lãi suất cho vay, H1 sẽ giao tiền mặt hoặc chuyển tiền vào tài khoản ngân hàng của người vay (việc cho vay tiền giữa H1 và người vay không viết giấy vay mượn, không thế chấp tài sản nào khác). Những người vay tiền của H1 sẽ trả tiền lãi bằng các hình thức như: Đưa tiền mặt trực tiếp cho H1 hoặc chuyển tiền vào tài khoản của H1 mở tại Ngân hàng TMCPKTVN(số tài khoản , chủ tài khoản Lê Chí H1).

Trong khoảng thời gian từ tháng 11/2024 đến tháng 11/2025, H1 đã thực hiện cho 10 người vay tiền; trong đó có 08 người vay tiền với tổng số 25 hợp đồng vay với mức lãi suất cho vay là 10%/tháng (tương đương 120%/năm) - vượt quá 05 lần trở lên của mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật dân sự.

1. Ông Danh Tiêu K1 vay 03 hợp đồng (đã kết thúc) và tổng số tiền lãi H1 đã thực nhận trên 03 hợp đồng này là 9.000.000 đồng (trong đó tiền lãi bất hợp pháp là 7.520.548 đồng, tiền lãi hợp pháp là 1.479.452 đồng). Cụ thể:

- Ngày 04/01/2025, ông K vay 5.000.000 đồng, thời hạn vay 01 tháng (từ ngày 04/01/2025 đến ngày 05/02/2025), lãi suất là 500.000 đồng/tháng (tương ứng mức lãi suất 10%/tháng). Tính đến ngày 05/02/2025, ông K trả lãi được 01 tháng, tương đương số tiền 500.000 đồng (trong đó, tiền lãi bất hợp pháp là 417.808 đồng, tiền lãi hợp pháp là 82.192 đồng).

- Ngày 07/02/2025, ông K1 vay 5.000.000 đồng và cả hai thỏa thuận nhập khoản vay ngày 04/01/2025 với khoản vay lần này, tổng cộng là 10.000.000 đồng, thời hạn vay 04 tháng (từ ngày 07/02/2025 đến ngày 07/6/2025), mỗi tháng trả lãi 1.000.000 đồng (tương ứng mức lãi suất 10%/tháng). Tính đến ngày 07/6/2025, ông K trả lãi được 04 tháng, tương đương số tiền 4.000.000 đồng (trong đó, tiền lãi bất hợp pháp là 3.342.466 đồng, tiền lãi hợp pháp là 657.534 đồng).

- Ngày 27/7/2025, ông K1 vay 4.000.000 đồng; cả hai thỏa thuận nhập 02 khoản vay ngày 04/01/2025, ngày 07/02/2025 và 1.000.000 đồng ông K1 nợ tiền mua hàng tạp hóa, chơi bida với khoản vay lần này, tổng cộng là 15.000.000 đồng, thời hạn vay 03 tháng (từ ngày 27/7/2025 đến ngày 10/11/2025), mỗi tháng trả lãi 1.500.000 đồng (tương ứng mức lãi suất 10%/tháng). Tính đến ngày 10/11/2025, ông K trả lãi được 03 tháng, tương đương số tiền 4.500.000 đồng (trong đó, tiền lãi bất hợp pháp là 3.760.274 đồng, tiền lãi hợp pháp là 739.726 đồng).

Sau ngày H1 bị bắt (ngày 16/11/2025), ông K1 đã trả đủ số tiền vay tổng cộng là 15.000.000 đồng cho H1.

2. Tô Thị Nguyệt K2 vay 02 hợp đồng (đã kết thúc) và tổng số tiền lãi H1 đã thực nhận trên 02 hợp đồng này là 3.465.000 đồng (trong đó tiền lãi bất hợp pháp là 2.917.056 đồng, tiền lãi hợp pháp là 547.944 đồng). Cụ thể:

- Ngày 27/8/2025, bà K2 vay 50.000.000 đồng, thời hạn vay 13 ngày (từ ngày 27/8/2025 đến ngày 09/9/2025), lãi suất là 5.000.000 đồng/tháng (tương ứng mức lãi suất 10%/tháng). Đến ngày 09/9/2025, bà K2 đã trả đủ số tiền vay 50.000.000 đồng

và tiền lãi của 13 ngày, tương đương số tiền là 2.300.000 đồng (trong đó, tiền lãi bất hợp pháp là 1.943.836 đồng, tiền lãi hợp pháp là 356.164 đồng).

- Ngày 14/10/2025, bà K2 vay 50.000.000 đồng (H1 dùng 50.000.000 đồng của khoản vay ngày 27/8/2025 để cho vay), thời hạn vay 07 ngày (từ ngày 14/10/2025 đến ngày 20/10/2025), lãi suất là 5.000.000 đồng/tháng (tương ứng mức lãi suất 10%/tháng). Đến ngày 20/10/2025, bà K2 đã trả đủ số tiền vay 50.000.000 đồng và tiền lãi của 07 ngày, tương đương số tiền 1.165.000 đồng (trong đó, tiền lãi bất hợp pháp là 973.220 đồng, tiền lãi hợp pháp là 191.780 đồng).

3. Ông Trần Văn Q1 vay 06 hợp đồng (đã kết thúc) và tổng số tiền lãi H1 đã thực nhận trên 06 hợp đồng này là 17.590.000 đồng (trong đó tiền lãi bất hợp pháp là 14.698.497 đồng, tiền lãi hợp pháp là 2.891.503 đồng). Cụ thể:

- Ngày 12/12/2024, ông Q1 vay 10.000.000 đồng, thời hạn vay 01 tháng (từ ngày 12/12/2024 đến ngày 12/01/2025), lãi suất là 3.000.000 đồng/tháng (tương ứng mức lãi suất 10%/tháng). Tính đến ngày 10/01/2025, ông Q1 trả lãi được 01 tháng, tương đương số tiền 1.000.000 đồng (trong đó, tiền lãi bất hợp pháp là 835.617 đồng, tiền lãi hợp pháp là 164.383 đồng).

- Ngày 23/12/2024, ông Q1 vay 3.000.000 đồng, thời hạn vay 17 ngày (từ ngày 23/12/2024 đến ngày 10/01/2025), lãi suất là 300.000 đồng/tháng (tương ứng mức lãi suất 10%/tháng). Tính đến ngày 10/01/2025, ông Q1 trả lãi được 17 ngày, tương đương số tiền 170.000 đồng (trong đó, tiền lãi bất hợp pháp là 142.055 đồng, tiền lãi hợp pháp là 27.945 đồng).

Ngày 10/01/2025, H1 và ông Q1 thỏa thuận nhập 02 khoản vay ngày 12/12/2024 và ngày 23/12/2024 thành khoản vay 13.000.000 đồng, thời hạn vay 01 tháng (từ ngày 10/01/2025 đến ngày 10/02/2025), lãi suất là 1.300.000 đồng/tháng (tương ứng mức lãi suất 10%/tháng). Đến ngày 08/02/2025, ông Q1 trả 8.000.000 đồng tiền vay (còn nợ 5.000.000 đồng) và tiền lãi của 01 tháng, tương đương số tiền 1.300.000 đồng (trong đó, tiền lãi bất hợp pháp là 1.086.302 đồng, tiền lãi hợp pháp là 213.698 đồng).

- Ngày 21/02/2025, ông Q1 vay 5.000.000 đồng (H1 dùng 5.000.000 đồng của khoản vay ngày 10/01/2025 để cho vay), thời hạn vay 18 ngày (từ ngày 21/02/2025 đến ngày 10/3/2025), lãi suất là 500.000 đồng/tháng (tương ứng mức lãi suất 10%/tháng). Tính đến ngày 10/3/2025, ông Q1 trả lãi được 18 ngày, tương đương số tiền 300.000 đồng (trong đó, tiền lãi bất hợp pháp là 250.685 đồng, tiền lãi hợp pháp là 49.315 đồng).

- Ngày 23/02/2025, ông Q1 vay 6.000.000 đồng (trong đó có 3.000.000 đồng của khoản vay ngày 10/01/2025), thời hạn vay 16 ngày (từ ngày 23/02/2025 đến ngày 10/3/2025), lãi suất là 600.000 đồng/tháng (tương ứng mức lãi suất 10%/tháng). Tính đến ngày 10/3/2025, ông Q1 trả lãi được 16 ngày, tương đương số tiền 320.000 đồng (trong đó, tiền lãi bất hợp pháp là 267.398 đồng, tiền lãi hợp pháp là 52.602 đồng).

Ngày 10/3/2025, H1 và ông Q1 thỏa thuận nhập 02 khoản vay ngày 21/02/2025, ngày 23/02/2025 và khoản vay 5.000.000 đồng còn nợ của ngày 10/01/2025 thành khoản vay 16.000.000 đồng, thời hạn vay 03 tháng (từ ngày 10/3/2025 đến ngày 10/6/2025), mỗi tháng trả lãi 1.600.000 đồng (tương ứng mức lãi suất 10%/tháng). Tính đến ngày 10/6/2025, ông Q1 trả lãi được 03 tháng, tương đương số tiền 4.800.000 đồng (trong đó, tiền lãi bất hợp pháp là 4.010.959 đồng, tiền lãi hợp pháp là 789.041 đồng).

- Ngày 10/6/2025, ông Q1 vay 7.000.000 đồng và cả hai thỏa thuận nhập khoản vay ngày 10/3/2025 với khoản vay lần này, tổng cộng là 23.000.000 đồng, thời hạn vay 02 tháng (từ ngày 10/6/2025 đến ngày 09/8/2025), mỗi tháng trả lãi 2.300.000 đồng (tương ứng mức lãi suất 10%/tháng). Tính đến ngày 09/8/2025, ông Q1 trả lãi được 02 tháng, tương đương số tiền 4.600.000 đồng (trong đó, tiền lãi bất hợp pháp là 3.843.836 đồng, tiền lãi hợp pháp là 756.164 đồng).

- Ngày 29/7/2025, ông Q1 vay 2.000.000 đồng, thời hạn vay 15 ngày (từ ngày 29/7/2025 đến ngày 09/8/2025), lãi suất là 200.000 đồng/tháng (tương ứng mức lãi suất 10%/tháng). Tính đến ngày 09/8/2025, ông Q1 trả lãi được 15 ngày, tương đương số tiền 100.000 đồng (trong đó, tiền lãi bất hợp pháp là 83.562 đồng, tiền lãi hợp pháp là 16.438 đồng).

Ngày 09/8/2025, H1 và ông Q1 thỏa thuận nhập khoản vay 23.000.000 đồng còn nợ của ngày 10/6/2025 với khoản vay của ngày 29/7/2025 thành khoản vay 25.000.000 đồng, thời hạn vay 03 tháng (từ ngày 09/8/2025 đến ngày 10/11/2025), mỗi tháng trả lãi 2.500.000 đồng (tương ứng mức lãi suất 10%/tháng). Tính đến ngày 12/11/2025, ông Q1 trả lãi được 02 tháng, tương đương số tiền 5.000.000 đồng (trong đó, tiền lãi bất hợp pháp là 4.178.083 đồng, tiền lãi hợp pháp là 821.917 đồng).

Sau ngày H1 bị bắt (ngày 16/11/2025), ông Q1 đã trả đủ số tiền vay tổng cộng là 25.000.000 đồng cho H1.

4. Ông Trần Văn H3 vay 01 hợp đồng vào ngày 27/10/2025 (đã kết thúc), số tiền vay 10.000.000 đồng, thời hạn vay 01 tháng (từ ngày 27/10/2025 đến ngày 27/11/2025), lãi suất là 1.000.000 đồng/tháng (tương ứng mức lãi suất 10%/tháng). Ông H3 chưa trả tiền lãi cho H1 thì ngày 16/11/2025, H1 đã bị phát hiện bắt giữ và sau ngày H1 bị bắt, ông H3 đã trả đủ số tiền vay 10.000.000 đồng cho H1.

5. Ông Danh Đ1 vay 02 hợp đồng (đã kết thúc) và tổng số tiền lãi H1 đã thực nhận trên 02 hợp đồng này là 8.300.000 đồng (trong đó tiền lãi bất hợp pháp là 6.935.618 đồng, tiền lãi hợp pháp là 1.364.382 đồng). Cụ thể:

- Ngày 09/12/2024, ông Đ1 vay 10.000.000 đồng, thời hạn vay 01 tháng (từ ngày 09/12/2024 đến ngày 09/01/2025), lãi suất là 1.000.000 đồng/tháng (tương ứng mức lãi suất 10%/tháng). Tính đến ngày 09/01/2025, ông Đ1 trả lãi được 01 tháng, tương đương số tiền 1.000.000 đồng (trong đó, tiền lãi bất hợp pháp là 835.617 đồng, tiền lãi hợp pháp là 164.383 đồng).

- Ngày 25/12/2024, ông Đ1 vay 2.000.000 đồng, thời hạn vay 15 ngày (từ ngày 25/12/2024 đến ngày 09/01/2025), lãi suất là 200.000 đồng/tháng (tương ứng mức lãi suất 10%/tháng). Tính đến ngày 09/01/2025, ông Đ1 trả lãi được 15 ngày, tương đương số tiền 100.000 đồng (trong đó, tiền lãi bất hợp pháp là 83.562 đồng, tiền lãi hợp pháp là 16.438 đồng).

Ngày 09/01/2025, H1 và ông Đ1 thỏa thuận nhập 02 khoản vay trên thành khoản vay 12.000.000 đồng, thời hạn vay 09 tháng (từ ngày 09/01/2025 đến ngày 09/10/2025), mỗi tháng trả lãi 1.200.000 đồng (tương ứng mức lãi suất 10%/tháng). Đến ngày 09/10/2025, ông Đ1 trả lãi được 06 tháng, tương đương số tiền 7.200.000 đồng (trong đó, tiền lãi bất hợp pháp là 6.016.439 đồng, tiền lãi hợp pháp là 1.183.561 đồng).

Sau ngày H1 bị bắt (ngày 16/11/2025), ông Đ1 đã trả đủ số tiền vay tổng cộng là 12.000.000 đồng cho H1.

6. Ông Dương Bé Đ2 vay 01 hợp đồng vào ngày 01/01/2025, số tiền 20.000.000 đồng, thời hạn vay 10 tháng (từ ngày 01/01/2025 đến ngày 13/11/2025), mỗi tháng trả lãi 2.000.000 đồng (tương ứng mức lãi suất 10%/tháng). Đến ngày 13/11/2025, ông Đ2 đã trả đủ số tiền vay 20.000.000 đồng và tiền lãi của 10 tháng, tương đương số tiền 20.000.000 đồng (trong đó, tiền lãi bất hợp pháp là 16.712.329 đồng, tiền lãi hợp pháp là 3.287.671 đồng).

7. Bà Trương Thúy Ng vay 03 hợp đồng (đã kết thúc) và tổng số tiền lãi H1 đã thực nhận trên 03 hợp đồng này là 9.900.000 đồng (trong đó tiền lãi bất hợp pháp là 8.272.604 đồng, tiền lãi hợp pháp là 1.627.396 đồng). Cụ thể:

- Ngày 23/7/2025, bà Ng vay 8.000.000 đồng, thời hạn vay 03 tháng (từ ngày 23/7/2025 đến ngày 23/10/2025), mỗi tháng trả lãi là 800.000 đồng (tương ứng mức lãi suất 10%/tháng). Đến ngày 23/10/2025, bà Ng đã trả đủ tiền vay 8.000.000 đồng và tiền lãi của 03 tháng, tương đương số tiền 2.400.000 đồng (trong đó, tiền lãi bất hợp pháp là 2.005.480 đồng, tiền lãi hợp pháp là 394.520 đồng).

- Ngày 10/8/2025, bà Ng vay 25.000.000 đồng, thời hạn vay 03 tháng (từ ngày 10/8/2025 đến ngày 10/11/2025), mỗi tháng trả lãi là 2.500.000 đồng (tương ứng mức lãi suất 10%/tháng). Đến ngày 10/11/2025, bà Ng đã trả tiền vay là 15.000.000 đồng và tiền lãi của 03 tháng, tương đương số tiền 7.500.000 đồng (trong đó, tiền lãi bất hợp pháp là 6.267.124 đồng, tiền lãi hợp pháp là 1.232.876 đồng). Bà Ng còn nợ lại số tiền vay là 10.000.000 đồng.

- Ngày 13/10/2025, bà Ng vay 5.000.000 đồng, thời hạn vay 01 tháng (từ ngày 13/10/2025 đến ngày 12/11/2025), lãi suất là 500.000 đồng/tháng (tương ứng mức lãi suất 10%/tháng). Tuy nhiên, đến hạn 01 tháng bà Ng chưa trả tiền vay và tiền lãi cho H1. Như vậy, số tiền lãi được xác định tính đến ngày 12/11/2025 là 500.000 đồng (trong đó, tiền lãi bất hợp pháp là 417.809 đồng, tiền lãi hợp pháp là 82.191 đồng).

Sau ngày H1 bị bắt (ngày 16/11/2025), bà Ng đã trả đủ số tiền vay tổng cộng là 15.000.000 đồng cho H1.

8. Ông Nguyễn Thanh M vay 07 hợp đồng (đã kết thúc) và tổng số tiền lãi H1 đã thực nhận trên 07 hợp đồng này là 3.933.333 đồng (trong đó tiền lãi bất hợp pháp là 3.286.761 đồng, tiền lãi hợp pháp là 646.572 đồng). Cụ thể:

- Ngày 29/4/2025, ông M vay 3.000.000 đồng, thời hạn vay 01 tháng (từ ngày 29/4/2025 đến ngày 29/5/2025), lãi suất là 300.000 đồng/tháng (tương ứng mức lãi suất 10%/tháng). Đến ngày 02/6/2025, ông M đã trả đủ tiền vay 3.000.000 đồng và tiền lãi của 01 tháng, tương đương số tiền 300.000 đồng (trong đó, tiền lãi bất hợp pháp là 250.685 đồng, tiền lãi hợp pháp là 49.315 đồng).

- Cùng ngày 02/6/2025, ông M vay 10.000.000 đồng (trong đó có 3.000.000 đồng của khoản vay ngày 29/4/2025), thời hạn vay 10 ngày (từ ngày 02/6/2025 đến ngày 11/6/2025), lãi suất là 1.000.000 đồng/tháng (tương ứng mức lãi suất 10%/tháng). Đến ngày 11/6/2025, ông M đã trả đủ số tiền vay 10.000.000 đồng và tiền lãi của 10 ngày, tương đương số tiền 333.333 đồng (trong đó, tiền lãi bất hợp pháp là 278.539 đồng, tiền lãi hợp pháp là 54.794 đồng).

- Ngày 15/6/2025, ông M vay 5.000.000 đồng (H1 dùng 5.000.000 đồng của khoản vay ngày 02/6/2025 để cho vay), thời hạn vay 01 tháng (từ ngày 15/6/2025 đến ngày 15/7/2025), lãi suất là 500.000 đồng/tháng (tương ứng mức lãi suất 10%/tháng). Đến ngày 15/7/2025, ông M đã trả đủ số tiền vay 5.000.000 đồng và tiền lãi của 01 tháng, tương đương số tiền 500.000 đồng (trong đó, tiền lãi bất hợp pháp là 417.809 đồng, tiền lãi hợp pháp là 82.191 đồng).

- Ngày 22/6/2025, ông M vay 2.000.000 đồng (H1 dùng 2.000.000 đồng của khoản vay ngày 02/6/2025 để cho vay), thời hạn vay 01 tháng ngày (từ ngày 22/6/2025 đến ngày 22/7/2025), lãi suất là 200.000 đồng/tháng (tương ứng mức lãi suất 10%/tháng). Đến ngày 22/7/2025, ông M đã trả đủ số tiền vay 2.000.000 đồng và tiền lãi của 01 tháng, tương đương số tiền 200.000 đồng (trong đó, tiền lãi bất hợp pháp là 167.124 đồng, tiền lãi hợp pháp là 32.876 đồng).

- Ngày 12/8/2025, ông M vay 3.000.000 đồng (H1 dùng 3.000.000 đồng của khoản vay ngày 02/6/2025 để cho vay), thời hạn vay 02 tháng (từ ngày 12/8/2025 đến ngày 11/10/2025), lãi suất là 300.000 đồng/tháng (tương ứng mức lãi suất 10%/tháng). Đến ngày 11/10/2025, ông M đã trả đủ số tiền vay 3.000.000 đồng và tiền lãi của 02 tháng, tương đương số tiền 600.000 đồng (trong đó, tiền lãi bất hợp pháp là 501.370 đồng, tiền lãi hợp pháp là 98.630 đồng).

- Ngày 26/8/2025, ông M vay 10.000.000 đồng, thời hạn vay 01 tháng (từ ngày 26/8/2025 đến ngày 25/9/2025), lãi suất là 1.000.000 đồng/tháng (tương ứng mức lãi suất 10%/tháng). Đến ngày 27/9/2025, ông M đã trả đủ tiền vay 10.000.000 đồng và tiền lãi của 01 tháng, tương đương số tiền 1.000.000 đồng (trong đó, tiền lãi bất hợp pháp là 835.617 đồng, tiền lãi hợp pháp là 164.383 đồng).

- Ngày 14/9/2025, ông M vay 10.000.000 đồng, thời hạn vay 01 tháng (từ ngày 14/9/2025 đến ngày 14/10/2025), lãi suất là 1.000.000 đồng/tháng (tương ứng mức lãi suất 10%/tháng). Đến ngày 14/10/2025, ông M đã trả đủ số tiền vay 10.000.000 đồng và tiền lãi của 01 tháng, tương đương số tiền 1.000.000 đồng (trong đó, tiền lãi bất hợp pháp là 835.617 đồng, tiền lãi hợp pháp là 164.383 đồng).

9. Ông Nguyễn Văn Th2 vay 01 hợp đồng vào ngày 15/10/2025, số tiền vay 9.000.000 đồng, thời hạn vay 01 tháng (từ ngày 15/10/2025 đến ngày 15/11/2025), lãi suất là 700.000 đồng/tháng (tương ứng mức lãi suất 7,78%/tháng). Đến ngày 15/11/2025, ông Th2 đã trả tiền vay là 4.000.000 đồng và tiền lãi của 01 tháng, tương đương số tiền 700.000 đồng (trong đó, tiền lãi bất hợp pháp là 552.055 đồng, tiền lãi hợp pháp là 147.945 đồng). Ông Th2 còn nợ lại số tiền vay là 5.000.000 đồng.

Ngoài ra, H1 còn cho một người có tài khoản Facebook tên «Chú Dũng Qvinh SD» vay 01 hợp đồng vào ngày 21/6/2025, số tiền vay 2.000.000 đồng, thời hạn 01 tháng (từ ngày 21/6/2025 đến ngày 21/7/2025), lãi suất là 200.000 đồng/tháng (tương ứng mức lãi suất 10%/tháng). Tuy nhiên, sau khi vay tiền người này bỏ đi khỏi nơi cư trú, H1 không liên lạc được nên chưa thu được tiền vay và tiền lãi.

Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Quận 6 tiến hành cho các ông, bà Danh Tiêu K1, Tô Thị Nguyệt K2, Trần Văn Q1, Trần Văn H3, Danh Đ1, Dương Bé Đ2, Trương Thúy Ng, Nguyễn Thanh M, Nguyễn Văn Th2 nhận dạng người qua hình ảnh. Các ông, bà này đều xác định Lê Chí H1 chính là người đã cho các ông, bà vay tiền với lãi suất cao (phù hợp lời khai và nhận dạng người qua hình ảnh của Lê Chí H1).

Ngày 27 tháng 3 năm 2026, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Thành phố Hồ Chí Minh ra quyết định khởi tố vụ án hình sự (Quyết định số: 179/QĐ-CSHS); khởi tố bị can đối với Lê Chí H1 về tội «Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự» (Quyết định số: 218/QĐ-CSHS).

Tại Cáo trạng số: 138/CT-VKS-KV3 ngày 18 tháng 8 năm 2026, Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 3 - Thành phố Hồ Chí Minh đã truy tố bị cáo Lê Chí H1 về tội «Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự» theo quy định tại khoản 1 Điều 201 của Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2025.

Tại phiên tòa: Bị cáo Lê Chí H1 khai nhận chính bị cáo đã thực hiện hành vi cho vay lãi nặng như nội dung bản cáo trạng nêu. Và bị cáo xác nhận lời khai của bị cáo tại Biên bản hỏi cung bị can ngày 13/7/2026 (bút lục từ số 228 đến số 232) được Hội đồng xét xử công bố tại phiên tòa là chính xác, đúng với toàn bộ diễn biến sự việc liên quan đến việc cho vay lãi nặng giữa bị cáo và các ông, bà Danh Tiêu K1, Tô Thị Nguyệt K2, Trần Văn Q1, Trần Văn H3, Danh Đ1, Dương Bé Đ2, Trương Thúy Ng, Nguyễn Thanh M trong khoảng thời gian từ tháng 11/2024 đến tháng 11/2025. Ngoài ra, bị cáo xác nhận tổng số tiền mà bị cáo đã

bỏ ra để cho các ông, bà có tên trên vay tổng cộng là 200.000.000 đồng và các ông, bà này đã trả đủ số tiền đã vay cho bị cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 3 - Thành phố Hồ Chí Minh giữ nguyên quyết định truy tố bị cáo Lê Chí H1 như bản cáo trạng và sau khi phân tích tính chất, mức độ hành vi phạm tội, nhân thân của bị cáo cùng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo, đã đề nghị Hội đồng xét xử:

Phạt bị cáo Lê Chí H1 từ 50.000.000 đồng đến 60.000.000 đồng về tội «Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự» theo khoản 1 Điều 201; điểm i, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 35 của Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2025.

Về biện pháp tư pháp: Buộc bị cáo Lê Chí H1 nộp lại số tiền 211.844.920 đồng (trong đó, tiền bị cáo dùng để cho vay là 200.000.000 đồng; tiền lãi tương ứng mức lãi suất cao nhất theo quy định của Bộ luật dân sự là 11.844.920 đồng) để sung vào ngân sách nhà nước. Cấn trừ số tiền 40.000.000 đồng mà bị cáo đã tự nguyện khắc phục, còn lại bị cáo phải nộp là 171.844.920 đồng.

Buộc bị cáo Lê Chí H1 trả lại ông Danh Tiêu K1 7.520.548 đồng; trả lại bà Tô Thị Nguyệt K2 2.917.056 đồng; trả lại ông Trần Văn Q1 14.698.497 đồng; trả lại ông Danh Đ16.935.618 đồng; trả lại ông Dương Bé Đ2 16.712.329 đồng; trả lại bà Trương Thúy Ng 8.272.604 đồng; trả lại ông Nguyễn Thanh M 3.286.761 đồng.

Về xử lý vật chứng: Tịch thu sung vào ngân sách nhà nước 01 chiếc điện thoại di động hiệu Iphone 16 Pro Max 256Gb, màu vàng, số seri: MVNJRXMX6 (đã qua sử dụng) và số tiền 40.000.000 đồng.

Lời nói sau cùng, bị cáo Lê Chí H1 nhận thức được hành vi của bị cáo là sai, là vi phạm pháp luật nên không tranh luận mà chỉ xin Hội đồng xét xử phạt bị cáo hình phạt nhẹ nhất để bị cáo có cơ hội làm lại cuộc đời.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi và quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Thành phố Hồ Chí Minh; Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 3 - Thành phố Hồ Chí Minh; Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án; người làm chứng không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, của người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Quy định chung về thủ tục tố tụng: Tại phiên tòa, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án đều vắng mặt. Tuy nhiên, xét thấy sự vắng mặt của

những người này không ảnh hưởng, không gây trở ngại gì đến việc giải quyết vụ án. Mặt khác, những người này cũng đã có lời khai tại Cơ quan điều tra, do đó Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án theo quy định tại Điều 292 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2025 (viết tắt là Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015).

[3] Đối chiếu lời khai của bị cáo Lê Chí H1 tại phiên tòa là phù hợp với Biên bản tạm giữ tài sản, đồ vật, tài liệu; Biên bản làm việc ngày 16/11/2025 về việc kiểm tra chiếc điện thoại di động thu giữ của bị cáo (nội dung liên quan đến việc cho vay tiền); Sao kê tài khoản của bị cáo do Ngân hàng TMCPKTVN cung cấp; lời khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án Danh Tiêu K1, Tô Thị Nguyệt K2, Trần Văn Q1, Trần Văn H3, Danh Đ1, Dương Bé Đ2, Trương Thúy Ng, Nguyễn Thanh M và của người làm chứng tại Cơ quan điều tra cùng những tài liệu, chứng cứ, lời khai khác có trong hồ sơ, nên Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận: Trong khoảng thời gian từ tháng 11/2024 đến tháng 11/2025, bị cáo Lê Chí H1 đã thực hiện cho các ông, bà Danh Tiêu K1, Tô Thị Nguyệt K2, Trần Văn Q1, Trần Văn H3, Danh Đ1, Dương Bé Đ2, Trương Thúy Ng, Nguyễn Thanh M vay tiền với tổng số 25 hợp đồng, tổng số tiền cho vay (tiền gốc) là 200.000.000 đồng, tổng tiền lãi thu được là 72.188.333 đồng, tương ứng mức lãi suất cho vay là 10%/tháng (tương đương 120%/năm) - vượt quá 05 lần trở lên của mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật dân sự (mức lãi suất cao nhất quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015 là 20%/năm); trong đó tiền lãi theo quy định của Bộ luật dân sự 2015 mà bị cáo thực nhận (tương ứng mức lãi suất 20%/năm) là 11.844.920 đồng, tiền thu lợi bất chính từ việc cho vay lãi nặng mà bị cáo thực nhận (tương ứng với mức lãi suất trên 20%/năm) là 60.343.413 đồng. Hành vi của bị cáo không những xâm phạm đến quy định của Nhà nước về quản lý các hoạt động tín dụng, tài chính ngân hàng, kinh doanh tiền tệ được pháp luật bảo vệ; gây mất an ninh, trật tự tại địa phương mà còn xâm phạm lợi ích của công dân, làm cho người vay tiền có thể lâm vào hoàn cảnh khó khăn, điều đứng. Hành vi này đủ yếu tố cấu thành tội «Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự» thuộc trường hợp «thu lợi bất chính từ 30.000.000 đồng đến dưới 100.000.000 đồng» theo quy định tại khoản 1 Điều 201 của Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2025 (viết tắt là Bộ luật hình sự năm 2015). Do đó, Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 3 - Thành phố Hồ Chí Minh truy tố bị cáo với tội danh và điều luật nêu trên, là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng quy định pháp luật.

Bị cáo Lê Chí H1 là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, bị cáo hoàn toàn nhận thức được hành vi cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự là hành vi vi phạm pháp luật, bị nhà nước nghiêm cấm, nhưng vì động cơ vụ lợi mà bị cáo đã bất chấp pháp luật, lợi dụng người lao động có nhu cầu vay tiền, bị cáo đã cố tình cho vay với mức lãi suất cao vượt quá 05 lần trở lên của mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật dân sự để thu lợi bất chính, do đó bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự về hành vi phạm tội của mình.

[4] Xét tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo Lê Chí H1, Hội đồng xét xử thấy cần phạt bị cáo một mức án nghiêm khắc tương xứng mới có tác dụng giáo dục đối với bị cáo và để phòng ngừa chung. Tuy nhiên, xét bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; tại Cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa đều có thái độ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Sau sự việc xảy ra, bị cáo đã tự nguyện nộp lại một khoản thu lợi bất chính từ việc phạm tội để khắc phục hậu quả, nên Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ một phần trách nhiệm hình sự đối với bị cáo khi lượng hình theo quy định tại điểm i, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự năm 2015. Và qua xem xét đánh giá toàn diện hồ sơ vụ án, hoàn cảnh gia đình, điều kiện kinh tế của bị cáo, Hội đồng xét xử thấy cần áp dụng hình phạt tiền là hình phạt chính đối với bị cáo theo quy định tại Điều 35 của Bộ luật hình sự năm 2015 vẫn đảm bảo tính răn đe, giáo dục đối với bị cáo.

[5] Những nhận định trên cũng là căn cứ để chấp nhận quan điểm luận tội của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa.

[6] Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 3 Điều 201 của Bộ luật hình sự năm 2015, bị cáo Lê Chí H1 còn có thể bị phạt tiền từ 30 triệu đồng đến 100 triệu đồng. Tuy nhiên, do Hội đồng xét xử đã áp dụng hình phạt tiền là hình phạt chính đối với bị cáo, nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[7] Về biện pháp tư pháp:

[7.1] Tổng số tiền mà bị cáo Lê Chí H1 dùng để cho vay (tiền gốc) là 200.000.000 đồng (tại phiên tòa, bị cáo xác nhận đã nhận đủ số tiền trên). Xét đây là phương tiện phạm tội, nên Hội đồng xét xử buộc bị cáo nộp lại để sung vào ngân sách nhà nước. Cán trừ số tiền 40.000.000 đồng mà bị cáo đã tự nguyện khắc phục, số tiền còn lại bị cáo phải nộp là 160.000.000 đồng.

[7.2] Tổng số tiền lãi mà bị cáo Lê Chí H1 đã thực nhận của các ông, bà Danh Tiêu K1, Tô Thị Nguyệt K2, Trần Văn Q1, Danh Đ1, Dương Bé Đ2, Trương Thúy Ng, Nguyễn Thanh M theo quy định của Bộ luật dân sự 2015 (tương ứng mức lãi suất 20%/năm) là 11.844.920 đồng. Số tiền này tuy không bị tính khi xác định trách nhiệm hình sự, nhưng xét đây cũng là khoản tiền phát sinh từ việc phạm tội, do đó Hội đồng xét xử buộc bị cáo nộp lại để sung, nộp vào ngân sách nhà nước.

[7.3] Quá trình điều tra, các ông, bà Danh Tiêu K1, Tô Thị Nguyệt K2, Trần Văn Q1, Trần Văn H3, Danh Đ1, Dương Bé Đ2, Trương Thúy Ng, Nguyễn Thanh M khai sử dụng vốn vay nhằm mục đích chi tiêu sinh hoạt cá nhân. Do đó, Hội đồng xét xử buộc bị cáo Lê Chí H1 trả lại ông K 7.520.548 đồng, trả lại bà K2 2.917.056 đồng, trả lại ông Q1 14.698.497 đồng, trả lại ông Đ1 6.935.618 đồng, trả lại ông Đ2 16.712.329 đồng, trả lại bà Ng 8.272.604 đồng, trả lại ông M 3.286.761 đồng, là khoản tiền thu lợi bất chính từ việc cho vay lãi nặng mà bị cáo

thực tế đã thu của các ông, bà này (khoản tiền lãi tương ứng với mức lãi suất trên 20%/năm).

[8] Việc xử lý vật chứng:

[8.1] Phương tiện mà bị cáo Lê Chí H1 dùng vào việc phạm tội là 01 chiếc điện thoại di động hiệu Iphone 16 Pro Max 256Gb, màu vàng, số seri: MVNJJRXMX6 (đã qua sử dụng), Hội đồng xét xử tịch thu, sung vào ngân sách nhà nước cùng với số tiền 40.000.000 đồng mà bị cáo tự nguyện giao nộp để khắc phục hậu quả theo quy định tại điểm a, điểm b khoản 1 Điều 47 của Bộ luật hình sự năm 2015 và điểm a, điểm b khoản 2 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015.

(theo Phiếu nhập kho vật chứng số: 3961/PNK ngày 25 tháng 8 năm 2026 của Công an Thành phố Hồ Chí Minh; Giấy nộp tiền ngày 28/7/2026 của Ngân hàng TMCPNTVN- Chi nhánh HV)

[8.2] Đối với chiếc xe gắn máy biển số 59N1-999.09 thu giữ của bị cáo Lê Chí H1, Cơ quan điều tra đã chuyển giao Phòng Cảnh sát giao thông Công an Thành phố Hồ Chí Minh xử lý theo thẩm quyền, do đó Hội đồng xét xử không đề cập xử lý.

[9] Các vấn đề khác:

[9.1] Đối với số tiền 9.000.000 đồng mà bị cáo Lê Chí H1 cho ông Nguyễn Văn Th2 vay với lãi suất 7,78%/tháng (tương ứng 93,36%/năm), là chưa vượt quá 05 lần trở lên của mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật dân sự để thu lợi bất chính, nên không đủ căn cứ truy cứu trách nhiệm hình sự đối với khoản vay này, do đó Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[9.2] Đối với số tiền mà bị cáo Lê Chí H1 cho một người có tài khoản Facebook tên «Chú Dũng Qvinh SD» vay, hiện chưa xác định được. Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát đề nghị lúc nào Cơ quan điều tra xác minh, làm rõ, nếu đủ căn cứ xử lý sau, do đó Hội đồng xét xử không đề cập xử lý.

[9.3] Đối với bà Nguyễn Thị Thảo Q2 (bạn gái của bị cáo Lê Chí H1), quá trình điều tra xác định không liên quan gì đến hành vi của bị cáo trong việc cho vay tiền, nên không có cơ sở để truy cứu trách nhiệm hình sự, do đó Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

[10] Về án phí: Bị cáo Lê Chí H1 phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 135 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 và điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 201; điểm i, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 35 và Điều 50 của Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2025.

- Xử phạt bị cáo **Lê Chí H1** (Th1) số tiền 50.000.000 (năm mươi triệu) đồng về tội «Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự».

Bị cáo Lê Chí H1 có nghĩa vụ thi hành số tiền 50.000.000 (năm mươi triệu) đồng để sung, nộp vào ngân sách nhà nước ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

- Căn cứ điểm b khoản 1, khoản 2 Điều 47 của Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2025 và điểm b khoản 2 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2025.

Buộc bị cáo Lê Chí H1 nộp lại số tiền 211.844.920 (hai trăm mười một triệu tám trăm bốn mươi bốn ngàn chín trăm hai mươi) đồng (bao gồm tiền bị cáo dùng để cho vay và tiền lãi tương ứng mức lãi suất cao nhất theo quy định của Bộ luật dân sự) để sung vào ngân sách nhà nước. Cấn trừ số tiền 40.000.000 (bốn mươi triệu) đồng mà bị cáo đã tự nguyện khắc phục, số tiền còn lại bị cáo phải nộp là 171.844.920 (một trăm bảy mươi một triệu tám trăm bốn mươi bốn ngàn chín trăm hai mươi) đồng.

Buộc bị cáo Lê Chí H1 trả lại ông Danh Tiêu K1 7.520.548 (bảy triệu năm trăm hai mươi ngàn năm trăm bốn mươi tám) đồng; trả lại bà Tô Thị Nguyệt K2 2.917.056 (hai triệu chín trăm mười bảy ngàn không trăm năm mươi sáu) đồng; trả lại ông Trần Văn Q1 14.698.497 (mười bốn triệu sáu trăm chín mươi tám ngàn bốn trăm chín mươi bảy) đồng; trả lại ông Danh Đ 16.935.618 (sáu triệu chín trăm ba mươi lăm ngàn sáu trăm mười tám) đồng; trả lại ông Dương Bé Đ2 16.712.329 (mười sáu triệu bảy trăm mười hai ngàn ba trăm hai mươi chín) đồng; trả lại bà Trương Thúy Ng 8.272.604 (tám triệu hai trăm bảy mươi hai ngàn sáu trăm lẻ bốn) đồng; trả lại ông Nguyễn Thanh M 3.286.761 (ba triệu hai trăm tám mươi sáu ngàn bảy trăm sáu mươi một) đồng.

Kể từ ngày các ông, bà Danh Tiêu K1, Tô Thị Nguyệt K2, Trần Văn Q1, Danh Đ1, Dương Bé Đ2, Trương Thúy Ng, Nguyễn Thanh M có đơn yêu cầu thi hành án mà bị cáo Lê Chí H1 không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ việc trả số tiền nêu trên thì hàng tháng, bị cáo Lê Chí H1 còn phải trả các ông, bà có tên trên khoản lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

- Căn cứ điểm a, điểm b khoản 1 Điều 47 của Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2025 và điểm a, điểm b khoản 2 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2025.

Tịch thu sung vào ngân sách nhà nước 01 (một) chiếc điện thoại di động hiệu Iphone 16 Pro Max 256Gb, màu vàng, số seri: MVNJJRXMX6 (đã qua sử dụng) và số tiền 40.000.000 (bốn mươi triệu) đồng.

(theo Phiếu nhập kho vật chứng số: 3961/PNK ngày 25 tháng 8 năm 2026 của Công an Thành phố Hồ Chí Minh; Giấy nộp tiền ngày 28 tháng 7 năm 2026 của Ngân hàng TMCPNTVN- Chi nhánh HV)

- Căn cứ khoản 2 Điều 135 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2025 và điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Bị cáo Lê Chí H1 phải chịu 200.000 (hai trăm ngàn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 34, 36 và 71 của Luật Thi hành án dân sự năm 2025; thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 34 Luật Thi hành án dân sự năm 2025.

- Bị cáo Lê Chí H1 có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án. Đối với người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày được tổng đạt hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- VKSND Khu vực 3 - Tp. Hồ Chí Minh;
- TAND Tp. Hồ Chí Minh;
- VKSND Tp. Hồ Chí Minh;
- Cơ quan CSĐT Công an Tp. Hồ Chí Minh;
- Phòng PV06 Công an Tp. Hồ Chí Minh;
- THADS Tp. Hồ Chí Minh;
- Bị cáo;
- Người có QLNVLQ đến vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Thùy Liên

